

TUẦN ĐẠO - TỬ VÌ ĐẠO - TỬ ĐẠO

Martyr (danh từ gốc Hy Lạp: μαρτυς; sau này: μαρτυρ), có nghĩa là chứng nhân, người làm chứng. Từ này được dùng để chỉ những người bị giết hại vì đức tin hay vì luân lý Kitô Giáo.

1. Một số cách dịch

Trong tiếng Việt, thường dịch là “kẻ chết vì đạo, kẻ chết vì nghĩa, kẻ chịu đọa đày, liệt sĩ”¹ hoặc “người chịu chết vì đạo, đáng tử vì đạo, đáng tử đạo...”².

Trong nhà đạo thường dịch là “tử đạo”, như các Thánh Tử đạo Việt Nam.

Dịch như vậy, về mặt ngôn ngữ thấy có vấn đề về ngữ pháp. Thử trưng ra vài nghĩa có liên quan đến chữ “tử”:

- tử chiến: chiến đấu cho đến chết,
- tử hình: hình phạt chết,
- tử thi: thân người chết,
- tử thương: bị thương đến phải chết,
- tử tù: bị xử tội chết nhưng còn giam trong tù,
- tử trận: chết trên chiến trường.

Tử có nhiều ý nghĩa trong tiếng Việt, nhưng liên quan đến martyr thì chỉ có nghĩa là “chết, không hoạt động”³.

¹ UBKHXHVN, Viện Ngôn Ngữ Học, TỪ ĐIỂN ANH – VIỆT, 1975.

² P. Lê Công Đắc, DICTIONNAIRE FRANCAIS-VIETNAMIEN, in lần thứ 3, 1954.

³ Đào Duy Anh, HÁN VIỆT TỪ ĐIỂN, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1957;

UBKHXHVN, Viện Ngôn Ngữ Học, TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT, Hà Nội, 2005.

Vậy *tử đạo* có phải là đạo chết không? Các từ điển phần lớn chỉ có thuật từ *tử vì đạo*, không có thuật từ *tử đạo*, ngoại trừ cuốn Việt Nam Tự Điển của Lê Văn Đức.

2. Tuẫn đạo

Chúng ta có thể tìm được một từ khác trong từ điển cho chữ martyr, đó là “tuẫn đạo” hay “tuận đạo”.

Tuẫn có những nghĩa: “liều chết vì một việc gì; chôn người sống theo người chết”. Ví dụ: tuẫn danh (chết vì danh), tuẫn đạo (chết vì đạo), tuẫn lợi (chết vì tiền), tuẫn tiết (chết vì tiết nghĩa), tuẫn táng (chôn người sống theo người chết), v.v...

Trong tiếng Hán, chữ *tuẫn* thuộc thể loại hình thanh và hội ý:

- theo phiên thiết (hình thanh), thì 殉(tuẫn) là 辭(từ) + 潤(nhuận), đọc là: **t + uận = tuận**⁴, nhưng quen đọc là **tuẫn**.

⁴ Thiết tương cần nhắc lại cách phiên thiết ở đây:

1. Định âm bằng cách: Lấy âm khởi đầu của chữ trước đọc nối liền với vận của chữ sau.
2. Định thanh bằng cách: Lấy thanh của chữ trước định bậc thanh và thanh của chữ sau định loại thanh.

Có 2 bậc thanh và 4 loại thanh liên hệ với nhau như sau:

Bậc thanh	Loại thanh			
	Bình	Thượng	Khứ	Nhập (*)
Thanh	Dấu ngang	Dấu hỏi	Dấu sắc	Dấu sắc
Trọc	Dấu huyền	Dấu ngã	Dấu nặng	Dấu nặng

(*) *Thình nhập là thình kết thúc bằng vận p, t, k.*

Chữ tuẫn phiên thiết là từ + nhuận, chữ từ có dấu huyền nên thuộc bậc thanh trọc, chữ nhuận có dấu nặng là loại thanh khứ, cho nên phải đọc là tuận (dấu nặng). Do đó, trong các tự điển cổ thì viết là tuận. Nhưng trong ngôn ngữ học, có khi người ta phải tránh những dấu khó đọc, tuận có dấu nặng khó đọc, nên người ta không đọc tuận mà đọc tuẫn. Cũng như chữ nhà nước tiếng cổ viết là quốc gia, hiện giờ người ta không viết quốc gia, mà viết là quốc gia.

- theo ý tưởng (hội ý), thì 殉(tuần) gồm có bộ 歹(đãi) (đúng âm phải gọi là bộ ngạt) và chữ 旬(tuần). Bộ 歹(đãi) có nghĩa là xương tàn, thi thể, chết; là xấu. Và chữ 旬(tuần) xưa đồng nghĩa với chữ 均(quân), nghĩa là đều, chôn chung thì người sống kẻ chết đều phải chết, nên 殉(tuần) lấy âm 旬(tuần).

Một điển giải khác cho rằng chữ 旬(tuần) là giản thể của chữ 徇(tuần), nghĩa là khuất tùng, buộc phải theo, chịu khuất theo; người bị chôn theo, luôn có nỗi khổ tâm là không thể không khuất tùng theo người chết này, nên lấy âm 旬(tuần).

Tóm lại: **tuần** hay **tuận** có nghĩa là: (1) Đem người sống chôn theo người chết; (2) Theo; (3) Mưu cầu; (4) Xả thân mà làm; (5) Liều chết vì một việc gì; (6) Thông với “tuần”, đi vòng quanh quan sát.

Tìm thêm vài cuốn tự điển có giá trị về ngôn ngữ học:

1). VIỆT NGỮ CHÁNH TẢ TỰ VỊ (Lê Ngọc Trụ, 1971).

Tuần còn đọc tuận:

- Liều chết vì một việc gì.

- Chôn người sống theo người chết.

2). HÁN VIỆT TỰ ĐIỂN (Thiều Chửu, 1993)

- Chết theo, dùng người chôn theo người chết.

- Theo.

3). TỪ ĐIỂN HÁN VIỆT (Nhà In Sách Thương Vụ, Trung Quốc, 1994).

- Hy sinh có mục đích.

- Chôn theo người chết.

4. VIỆT NAM TỰ ĐIỂN (Lê Văn Đức, 1970).

- Tuẫn: Còn gọi là tuận, theo, tùy theo, vì với, chôn người sống theo người chết.

- Tuẫn đạo: Chết vì đạo, vì đường lối vạch sẵn, vì chính nghĩa.

5. ĐẠI TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT (Nguyễn Như Ý, 1999).

- Hy sinh.

- Tuẫn đạo: chết vì đạo.

6. TỪ ĐIỂN HÁN VIỆT (Phan Văn Các chủ biên, Viện Ngôn Ngữ Học, 2002).

- Chôn theo người chết.

- Hy sinh.

3. Nhận xét:

Dịch chữ martyr là *tử vì đạo* hay *tử đạo*, và hiểu là chết vì đạo, xem ra có gút mắc, vì chữ tử có nghĩa là “chết”, còn chữ “vì” thì ở đâu ra?

Dịch chữ martyr là tuẫn đạo, nghĩa là chết vì đạo, vì “tuẫn” là “chết vì” xem ra sát nghĩa, dễ hiểu, nếu như ta đã hiểu rõ nghĩa của chữ *tuẫn* (như đã phân tích ở trên).

Kết luận

Như thế, chúng ta có sẵn từ ***tuẫn đạo*** để dịch chữ martyr, tại sao lại dùng từ “tử đạo”, xét về mặt ngữ pháp trong Hán Việt thì không đúng. Thiết nghĩ, các nhà chuyên môn về ngữ pháp Hán Việt có thể giải thích thấu đáo vấn đề này hơn?

Lm. Stêphanô Huỳnh Trụ